

Số: **660**/TTr-ĐLTKV

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về chi trả tiền lương, thù lao năm 2021 và dự kiến mức tiền lương, thù lao năm 2022 đối với thành viên HĐQT, BKS, cán bộ quản lý Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua ngày 30/12/2021;

HĐQT Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện chi trả tiền lương, thù lao năm 2021 và đề xuất mức tiền lương, thù lao năm 2022 đối với thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS), cán bộ quản lý của Tổng công ty như sau:

1. Báo cáo thực hiện chi trả tiền lương, thù lao năm 2020:

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-ĐHĐCĐ-2020 ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.

Tổng công ty đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao năm 2021 cho các thành viên HĐQT, BKS, cán bộ quản lý của Tổng công ty, cụ thể như sau:

Stt	Chức danh	Số người bq	Thành tiền (Tr. đồng)		
			Tiền lương/năm	Thù lao/năm	BQ/người/tháng
1	Chủ tịch HĐQT	1		74,4	6,2
2	Thành viên HĐQT, TGD	1	648	64,8	59,4
3	Thành viên HĐQT (chuyên trách)	1	583,2		48,6
4	Thành viên HĐQT độc lập	1		64,8	
5	Thành viên HĐQT, Phó TGD	1	583,2	64,8	54
6	Trưởng BKS (chuyên trách)	1	604,8		50,4
7	Thành viên Ban kiểm soát	2		120	5
8	Phó Tổng giám đốc	3	1.701		48,6
9	Kế toán trưởng	1	540		45
	Tổng cộng	12	4.660,2	388,800	

2. Đề xuất mức tiền lương, thù lao năm 2022:

Trên cơ sở các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2022 của Tổng công ty và các văn bản của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) liên quan đến mức thù lao, tiền lương của HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Tổng công ty;

HĐQT Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua mức tiền lương, thù lao năm 2022 cho các thành viên HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Tổng công ty như sau:

Stt	Chức danh	Cách tính thù lao	Thành tiền (Tr. đồng/tháng/người)	
			Tiền lương (Kế hoạch)	Thù lao
1	Chủ tịch HĐQT	31 Tr.*20%		6,2
2	Thành viên HĐQT, TGD	30 Tr.*20%	45	5,4
3	Thành viên HĐQT độc lập			40,5
4	Thành viên HĐQT (chuyên trách)		40,5	
5	Thành viên HĐQT, Phó TGD	27 Tr.*20%	40,5	5,4
6	Trưởng BKS (chuyên trách)		42	
7	Thành viên Ban kiểm soát	25 Tr.*20%		5
8	Phó Tổng giám đốc		40,5	
9	Kế toán trưởng		37,5	

* Đối với Thù lao thành viên HĐQT độc lập:

Căn cứ Quyết định 1803/QĐ-TKV ngày 28/12/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung ban hành tại Quyết định 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của Tập đoàn. Theo đó quy định đối với Thành viên HĐQT độc lập tại công ty Cổ phần niêm yết: **được trả phụ cấp tương đương mức tiền lương của Thành viên HĐQT hoạt động chuyên trách.**

* Tiền lương, thù lao hàng tháng được tạm chi trả 80% mức tiền lương, thù lao theo kế hoạch. Tiền lương được quyết toán trên cơ sở mức tiền lương bình quân kế hoạch gắn với mức độ thực hiện chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện (hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và lợi nhuận vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm tối đa bằng 1%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch); thù lao được quyết toán căn cứ vào đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Tổng công ty.

Thù lao HĐQT, BKS và cán bộ quản lý được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua. / *Zhd*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, Đảng ủy, BKS (e-copy);
- TGD, các PTGD, KTTTr (e-copy);
- Công đoàn, Đoàn TNCS HCM (e-copy);
- Các Ban ĐLTKV (e-copy);
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

